

NGHỆ THUẬT CHẠM KHẮC TRÊN KIẾN TRÚC ĐÌNH LÀNG thế kỷ 17 ở châu thổ sông Hồng

NGUYỄN THỊ TUẤN TÚ*

Đình làng là một thực thể văn hoá của làng xã. Qua những nghiên cứu mới nhất, các nhà nghiên cứu cho rằng, thế kỷ 17 là giai đoạn phát triển rực rỡ của nghệ thuật kiến trúc đình làng, đặc biệt vào những năm cuối thế kỷ. Thời gian này đình làng không những phát triển về số lượng mà chạm khắc kiến trúc cũng phát triển đến đỉnh cao cả về nghệ thuật tạo hình cũng như đề tài trang trí. Những yếu tố này đã đóng một vai trò quan trọng tạo nên các giá trị đặc sắc của kiến trúc đình làng.

Nghệ thuật tạo hình

Do nhiều lý do, về điều kiện kinh tế, hạn chế của nguyên vật liệu, quan niệm về thần linh... mà kiến trúc gỗ truyền thống của người Việt thường thấp, ít có xu hướng vươn theo chiều cao. Người xưa đã chạm khắc lên các thành phần kiến trúc, một mặt tạo nên giá trị thẩm mỹ, giúp cho công trình được thanh thoát, vui mắt, đồng thời qua đó biểu đạt được quan niệm về tâm linh và những ước vọng đương thời. Thời gian trước, chạm khắc đã được chú trọng, nhưng mật độ chưa quá dày đặc. Đến thế kỷ 17, các thành phần của kiến trúc đình làng đã được chú ý nhiều hơn, đa dạng hơn. Mọi cấu

kiện đều có thể được tận dụng để chạm khắc: đầu dư, bẩy, kê, rường, ván gió, cánh gà, cột... Ví dụ, trên các con rường ở kiến trúc thời Mạc, chủ yếu chạm các vân xoắn, nhưng ở thế kỷ 17, nhiều khi người ta đã chồng khít các con rường lên nhau để mở rộng diện trang trí, như vì nóc đình làng Hưng Lộc, đình làng Cao Đài (Nam Định)...

Với việc sử dụng linh hoạt các kỹ thuật chạm gỗ, đình làng thế kỷ 17 đã đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật chạm khắc. Thời này đã sử dụng và kết hợp nhuần nhuyễn các kỹ thuật khác nhau, tạo nên hiệu quả nghệ thuật cao. Đặc biệt kỹ thuật chạm kênh bong đã đạt đến trình độ điêu luyện, trở thành một trong những đặc trưng quan trọng trong nghệ thuật chạm khắc kiến trúc đình làng thế kỷ 17.

Trong chạm khắc trang trí kiến trúc đình làng thế kỷ 17 đã sử dụng hình thức phù điêu và tượng tròn. Trong đó, chạm khắc dạng phù điêu được sử dụng phổ biến. Việc dùng kỹ thuật chạm lõng đã tạo nên các bức phù điêu khá sinh động, độ nổi khối lớn, căng tròn với các đề tài đa dạng như rồng, lân, thú, con người... Một dạng phù điêu đặc biệt, đó là hình các tiên nữ chạm thủng gắn trên các xà như ở các ngôi đình Văn Khê, Ngọc Than, Đồng Viên (Hà Tây)... Những tiên nữ này được tạo mộc mạc,

* VIỆN NGHIÊN CỨU BẢO TỒN DI TÍCH

đẹp hỗn nhiên, có khi chỉ được tạo tác phần trên, còn nửa dưới là một mộng ngoàm ngậm vào một thân gỗ chạm đầu rồng ở ván gió (đỉnh Văn Khê), có khi được chạm với thân hình đầy đủ, trong tư thế đang múa như ở các ngôi đình Cao Đài, Hưng Lộc (Nam Định), Hạ Hiệp, Ngọc Than (Hà Nội)...

Ở kiến trúc đình làng thế kỷ 16, điêu khắc dạng tượng tròn đã xuất hiện ở ván gió với đề tài là tiên nữ (đình Tây Đằng). Đến thế kỷ 17, chúng ta cũng gặp những điêu khắc tượng tròn gắn trên kiến trúc, nhưng đề tài phong phú hơn, với các hình tượng con người, phượng, voi, hổ, ngựa... và được trang trí chủ yếu trên tai cột, các hình tượng này thường được tạo với các hình khối căng tròn, sinh động, mang đậm tính dân gian. Đây có thể coi là một trong những đặc trưng của nghệ thuật điêu khắc kiến trúc đình làng thế kỷ 17. Sang thế kỷ 18, hình thức tượng tròn gắn trên tai cột đã mất dần, chỉ còn lác đác trên một vài di tích, điển hình trên kiến trúc đình Đình Bảng (Bắc Ninh), nhưng những hình tượng này có phần khô cứng, không còn nét hỗn nhiên, mềm mại của nghệ thuật dân gian nữa.

Các đề tài thường gặp trong điêu khắc trang trí

Các biểu tượng tự nhiên

Mặt trời/ mặt trăng:

Trên kiến trúc đình làng thế kỷ 16 hình tượng mặt trời xuất hiện không nhiều, thường được chạm nổi thành một vành tròn trong bố cục rồng chầu, tiếp đến là đường chỉ chìm kếp hoặc cánh hòa cúc ngắn, hai bên mặt trời có các đao mũi nhọn lượn bay ra (đình La Phù- Hà Nội). Sang thế kỷ 17, hình tượng này đã phát triển khá mạnh mẽ và chia làm hai giai đoạn. Thời gian nửa đầu thế kỷ, mặt trời vẫn kế thừa kiểu thức của thế kỷ 16, mặt khác đã được thể hiện dưới dạng 1/2 đĩa tròn hiện lên trên một đầu vuông thót đáy, hai bên là hệ thống vân xoắn (đình Xuân Dục- Hà Nội), hoặc mặt trời là một vành tròn nổi, xung quanh được ôm bởi một lớp cánh cúc, hai bên không có đao nhọn (đình Phù Lưu - Bắc Ninh). Nửa cuối thế kỷ 17, mặt trời đã được thể hiện với nhiều đao mác ở hai bên. Đến thế kỷ 18, hình thức mặt trời cũng có nhiều nét tương đồng như thế kỷ 17, nhưng các đao mác đã mập và cứng hơn.

Vân xoắn:

Nguyễn Thị Tuấn Tú: *Nghệ thuật chạm khắc...*

Về cơ bản, các dạng vân xoắn trang trí trên kiến trúc đình làng thế kỷ 17 có tiền đề từ thế kỷ 16, nhưng cũng có loại kế thừa dạng vân xoắn từ thời Trần.

- Dạng vân xoắn lớn: đó là kiểu vân xoắn cuộn nhiều lớp với các khúc uốn, được tạo bởi kỹ thuật chạm nổi kết hợp với chạm chìm, khá phổ biến trong nghệ thuật kiến trúc thế kỷ 16. Đầu thế kỷ 17, người ta vẫn sử dụng nhiều dạng vân xoắn này trong kiến trúc. Song chúng không còn mập và lớn như thời gian trước, độ nổi khối và khúc uốn cong cũng giảm. Xung quanh vân xoắn có thêm nhiều chi tiết phụ như: đao mác ngắn cùng các vân xoắn nhỏ, kết hợp lá thiêng (đình Xuân Dục, đình Phù Lưu)... Cũng có khi hai vân xoắn kết với nhau thành hình lá sò, làm gốc cho hai nhánh lá lớn toả ra hai bên.

- Dạng vân xoắn nhỏ: Vân xoắn này hơi cuộn tròn ở đầu, thường làm gốc cho các đao mác, trang trí trên thân rồng hoặc tạo thành từng cụm.

- Dạng vân xoắn có đuôi: như kế thừa nghệ thuật trang trí vân xoắn của thời Trần, nhưng đã thay đổi nhiều, hình thức đơn giản hơn, đuôi vân xoắn không được tạo dạng tóc chải và phía trên, giữa hai vân xoắn nhiều khi không có hoa văn dấu hỏi như trước nữa. Nó được sử dụng chủ yếu trên ván dong của bẩy/kê hiện.

Đao:

Các nhà nghiên cứu thường cho rằng, đao là biểu tượng của sấm chớp, gắn với ước vọng cầu mưa, cầu mùa của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Thế kỷ 17, hình thức của đao có sự chuyển hoá rõ rệt. Một mặt vẫn tồn tại dạng đao mũi nhọn, mặt khác đã xuất hiện đao mác.

- Đao mũi nhọn: Đây là loại đao có thân mảnh, vuốt dài, hơi lượn sóng, mang đặc trưng của nghệ thuật thế kỷ 16. Tuy nhiên, sang đầu thế kỷ 17 những đao này đã có sự khác biệt với thân đao rộng bản hơn, không còn mảnh như đao của thời Mạc, cũng có khi thân đao được điểm xuyết thêm vài chi tiết phụ như hình vân hoặc các chấm tròn nhỏ. Lòng đao được trang trí chủ yếu xuất hiện ở thời gian đầu thế kỷ 17.

- Đao mác: Trước thế kỷ 17, đao mác trang trí trên kiến trúc gỗ còn rất hiếm, hình thức này đã xuất hiện trong trang trí bia đá ở thời Lê Sơ (chùa Nga Mi- Hà Nội) và cuối thời Mạc (đình Tây Đằng- Hà Nội). Tới đầu thế kỷ 17, đao mác

cũng đã xuất hiện trên kiến trúc đình làng, như trên ván gió, cánh gà, ván nong của đình Xuân Dục, đình Phù Lưu, đình Tường Phiêu, với các bố cục khác nhau, kết hợp với vân xoắn lớn, mặt trời, rồng... Những đao mác ở thời gian này đang trong giai đoạn chuyển hoá, thân đao hơi mập, ngắn dạng đuôi nheo nhưng đã hơi gọn sóng, mũi đao vuốt nhọn đầu (ván gió đình Xuân Dục). Cũng có khi đao đã được chuyển hoá hoàn toàn thành đao mác với gốc là vân xoắn như trang trí trên các cánh gà đình Xuân Dục, đình Phù Lưu. Từ khoảng giữa thế kỷ 17 trở đi, đao mác đã phát triển hầu khắp trên trang trí kiến trúc, được tạo thành từng cụm, thân có các đường chỉ chìm kép, mỗi đao có gốc là vân xoắn lớn. Đao mác còn được tạo trên đầu và thân rồng. Tùy vị trí mà thân đao có độ dài ngắn khác nhau, thường những đao mọc ra từ mắt rồng bao giờ cũng lớn nhất. Đến cuối thế kỷ 17, đao mác xuất hiện dày đặc trên kiến trúc, có khi phủ gần kín cả thân rồng, lân... hoặc tạo thành từng cụm. Thân đao có độ uốn khúc ít, thô bè, mũi vuốt nhọn (sang thế kỷ 18 đã bị chém vát 2 cạnh mũi), phần nhiều đã khô cứng, không còn mềm mại như đao mác của thời gian trước. Có thể nói, nếu đao lượn sóng nhẹ có mũi nhọn là đặc trưng của nghệ thuật

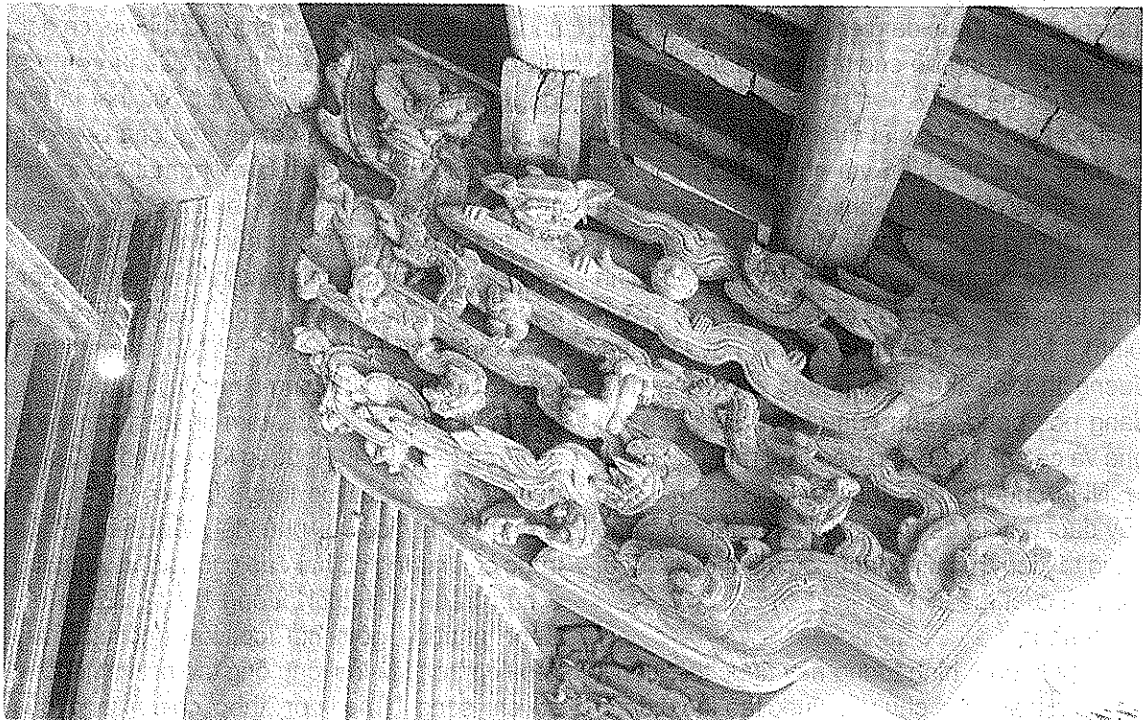
thế kỷ 16, thì đao mác là sản phẩm sáng tạo đặc trưng của nghệ thuật chạm khắc thế kỷ 17.

Các con vật

Rồng:

Rồng được coi là con vật linh thiêng, mang tính "vũ trụ", có sức mạnh to lớn. Đây là hình tượng nghệ thuật chủ đạo trong kiến trúc đình làng. Trong thế kỷ 17, với sự phát triển của nghệ thuật dân gian, người đương thời đã tạo ra rất nhiều loại rồng khác nhau với cách thể hiện rất phong phú. Tuy nhiên, cũng như đao mác, rồng thời này đã định hình khá rõ rệt phong cách nghệ thuật trong 3 giai đoạn: đầu, giữa và cuối thế kỷ:

+ Đầu thế kỷ 17: Hiện mới phát hiện được 03 ngôi đình mang phong cách nghệ thuật thời này. Nhưng qua đó, có thể thấy rồng đã mang một phong cách riêng. Tuy vẫn mang dáng dấp của nghệ thuật thời Mạc với các hình thức khác nhau: đầu rồng, toàn thân, rồng đôi, rồng đơn... Rồng thường có mặt dài, miệng rộng, môi mỏng cong, hàm răng người, mũi sư tử, tai thú, mắt quỷ lồi trong hốc sâu, có sừng, đao mắt dài, mảnh và mềm mại, tóc được kết bởi các vân xoắn nhỏ, bay ra từ mắt rồng là một chiếc đao dài. Thân rồng có vẩy đơn tròn, điểm vài đao mác và vân xoắn nhỏ. Rồng có bàn tay



Hoạt cảnh trên bẩy, đình Phù Lão- Bắc Giang - Ảnh: Tác giả

người, nắm lấy chiếc đao dài, lượn sóng bay ra từ mắt hoặc khuỷu chân. Cũng có khi lưng rỗng vòng yên ngựa, nhưng độ vòng ít và cứng hơn rỗng thời Mạc.

+ Giữa thế kỷ 17:

Thời gian này tuy có sự chuyển biến mạnh về hình thức và cách thể hiện, nhưng đôi nét rỗng vẫn có sự kế thừa của nghệ thuật thời gian trước. Rỗng có mõm dài, thân có vẩy, quanh thân đã có đao mác với gốc đao là vân xoắn, thân đao lượn sóng mềm, hơi mập, có đường chỉ chìm ở giữa (đình Văn Khê- Hà Nội, niên đại 1642). Rỗng có lúc thể hiện toàn thân theo kiểu nhìn nghiêng, miệng há, để lộ răng, mắt tròn lồi, lông mày có những đao mác nhỏ, đao mắt lớn, tai thú, thân có vẩy đơn tròn, ít đao mác trên thân, bụng có đốt, lưng có vây cá hơi uốn mềm ra phía sau. Có con thể hiện toàn thân nhưng mặt theo cách nhìn chính diện, thân mập, vòng uốn khúc nằm gọn trong một tấm ván nong (bố cục này đã gặp trong trang trí kiến trúc thời Mạc). Rỗng có môi dầy, cong, để lộ hàm răng người, miệng ngậm ngọc, thân không có đao mác, bàn tay người. Có con thể hiện chỉ có đầu, với môi trên hơi dài, mỏng, cong hình dấu ở (^), răng nhe, tai thú, có sừng, mắt lồi trong hốc sâu, có các đao mác tỏa ra xung quanh đầu. Thời gian này rỗng ít có đao mác phủ trên thân, đã điểm xuyết thưa thớt một vài con thú trong bố cục mảng chạm.

+ Cuối thế kỷ 17:

Thời kỳ này, đặc biệt dưới thời Chính Hoà trở đi, rỗng được thể hiện với nhiều đao mác trên thân, nhiều khi như "chìm" trong một "rừng đao". Chúng ta có thể thấy điển hình như ở đình Diêm (Bắc Ninh), đình Hạ Hiệp (Hà Nội), đình Phù Lão (Bắc Giang), đình Hưng Lộc (Nam Định)... Một đặc điểm của thời kỳ này là người đương thời đã thể hiện những con rỗng dưới dạng nổi, bong, kênh cùng với những con vật nhỏ và cả con người leo trèo trên râu, đao rỗng.

Nhìn chung, rỗng thế kỷ 17 được thể hiện dày đặc, đây là đề tài mang tính chủ đạo trong trang trí kiến trúc đình làng, ở cả 3 thời kỳ: đầu, giữa và cuối thế kỷ.

Phượng:

So với rỗng, hình tượng này được thể hiện ít hơn trên kiến trúc, chủ yếu được tạo tác ở dạng phù điêu, kiểu tượng tròn hiếm gặp (chủ yếu là phượng châu).

Thời Mạc, phượng xuất hiện trên di tích không nhiều (một phần do những di tích thời này để lại cho chúng ta đến ngày nay rất hiếm). Nhưng sang thế kỷ 17, cùng với sự phát triển rầm rộ của đình làng, hình tượng phượng cũng trở nên phong phú và đa dạng hơn. Phượng mang đậm nét dân gian, với nhiều dáng vẻ khác nhau, có thể chia làm 2 thời kỳ:

Nửa đầu thế kỷ 17, nhìn chung hình thức phượng vẫn kế thừa truyền thống từ thời Mạc. Phượng thường được thể hiện nhìn nghiêng, mắt dài, mỏ quặp, cổ có đốt, tóc có các đao bay ngược ra phía sau, những đao này đã chuyển hoá thành đao mác, thân để trơn hoặc phủ lớp vẩy, cánh ngắn, lông ống tỏa ra nhọn sắc, chân có các đao khuỷu lượn sóng mềm mại, như ở các đình Văn Khê, Phù Lưu, Xuân Dục. Những hình phượng này gắn gũi với phượng trang trí trên đất nung thời Mạc.

Nửa cuối thế kỷ 17, phượng xuất hiện nhiều hơn trên kiến trúc đình làng, trong nhiều bố cục và vị trí khác nhau, cách thể hiện đa dạng, phong phú, mỗi con mỗi vẻ và mang đậm yếu tố dân gian. Phượng có khi được chạm nổi, kênh bong và thường gắn với các mô típ trang trí khác (đao mác, vân xoắn) để thể hiện ước vọng cầu mưa, cầu mùa của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Phượng thường có mỏ nhỏ ngậm cành hoa hay chiếc lá thiêng, cổ dài, trong tư thế ngoài đầu nhìn lại. Cánh gồm ba lớp, lớp trong cùng có vẩy, lớp thứ hai là lớp lông măng ngắn, tiếp đến là lớp lông ống dài, đuôi thường có dải hình lá mềm mại. Sang thế kỷ 18, yếu tố dân gian bị hạn chế nhiều, phượng được tạo tác có phần khô cứng hơn...

Đặc biệt, còn gặp phượng dạng tượng tròn như phượng châu ở đình Phú Thượng- Tây Hồ, hoặc đình Dục Tú, Cổ Loa, Hà Nội, trang trí trên kiến trúc như ở đình làng Chu Quyến (Hà Nội), gồm một phượng lớn và năm phượng con được gắn trên tai cột cái. Phượng lớn có mỏ vet, phía trên đầu có mào, lớp lông vũ ở cổ mềm xuôi xuống ốp lấy cổ rồi phủ dài đến thân. Phần trước cổ phượng có hai đao cuộn xoắn với nhau ở nửa trên, nửa dưới buông thẳng xuống ức. Cánh phượng gồm hai lớp, lớp ngoài có vẩy kép, lớp trong là lớp lông ống tạo bởi các đường gờ chỉ song hàng, uốn theo chiều cong của cánh. Đuôi phượng lớn, hình lá, vuốt ngược lên phía trên, chạm thủng, có sống nổi ở giữa.

Cánh phượng hơi hé mở ấp ủ đàn phượng con. Hình tượng này khá sinh động, gắn gũi với cảnh "gà mẹ gà con" nơi thôn dã.

Lân:

Nửa đầu thế kỷ 17, lân đã được chú ý trong kiến trúc, chủ yếu chúng có mặt trên các trụ trốn với thân dài, mảnh, mõm dài, bờm tóc vuốt thẳng lên phía trên, đuôi tết bện xoắn, điểm quanh thân có các vân xoắn, dọc lưng có hàng vân dấu hỏi, thân có vẩy, đôi khi có đuôi dạng đuôi cá, làm nền cho lân là các vân xoắn và đao mũi nhọn (đình Phù Lưu). Những con lân này vẫn còn nhiều yếu tố kế thừa nghệ thuật của thời Mạc nhưng thân các đao đã mập hơn, vân xoắn nhỏ hơn.

Nửa cuối thế kỷ 17, lân có mặt nhiều hơn trên kiến trúc và đã chuyển sang một bước phát triển mới, mang nhiều nét hiền hoà, đa dạng và đậm chất dân gian. Lân thường được chạm nổi khối, có con thân hình thon lẳn, có con lại mập mạp, no tròn. Lân có hàm răng người, tai thú, thân có các vân xoắn làm nền, điểm xuyên một vài đao mác. Đối với những lân thể hiện nhìn chính diện thì mặt ngắn, hơi bè, còn khi thể hiện nhìn nghiêng thường có mặt dài.

Bên cạnh các con vật mang đậm yếu tố thiêng, trên kiến trúc đình làng thế kỷ 17 (tập trung vào nửa cuối thế kỷ) còn có các con vật có thật từ to đến nhỏ như voi, hổ, ngựa, khỉ, lợn, trâu, gà... thậm chí còn có các con vật gắn với sông nước như tôm, cua, cá... Sự có mặt những con vật này đã góp phần tạo nên giá trị nghệ thuật đặc sắc của kiến trúc đình làng thế kỷ 17.

Hình tượng con người

Hình tượng này được chạm khá nhiều trong kiến trúc đình thế kỷ 17, tuy nhiên với mỗi thời kỳ thì mật độ và hình thức thể hiện cũng khác nhau. Con người được thể hiện dưới hai dạng: tiên nữ và người thường.

Tiên nữ:

Nửa đầu thế kỷ 17, tiên nữ thường chủ yếu được chạm nổi trên các cánh gà trong bố cục cưỡi rồng, hoặc được tạo thành dạng nửa chạm tròn. Tiên nữ có cánh, đầu to (so với thân), đội một dạng thiên/bảo quan, mặc váy, khuôn mặt phúc hậu, thường dưới dạng trái xoan, thân hình khá mập, hai cánh lớn dang rộng, uốn cong mềm mại, điểm xuyên các hạt tròn nhỏ. Những tiên nữ này còn kế thừa nhiều nét của nghệ thuật thời Mạc.

Vào nửa cuối thế kỷ 17, tiên nữ được chạm nổi, kình bong, trên nhiều vị trí của kiến trúc: cốn chống rường, ván nong, cột... Những tiên nữ này thường được chạm trong bố cục cưỡi rồng, đầu đội mũ, tai to, hoa tai dài chấm vai để biểu hiện sự sang quý, có điểm nhân, khuôn mặt đã nhẹ đi dạng trái xoan mà hơi bầu, xiêm y cầu kỳ, váy xoè rộng xếp nhiều nếp, cổ đeo vòng trang sức. Nhưng cũng có khi trang phục rất đơn giản với tóc búi cao trên đỉnh đầu, hoa tai dài chấm vai hoặc là bông hoa nhiều cánh, áo bó sát thân, ngực nở, lưng thắt dải lụa mềm, eo thon, đặc tả nửa thân dưới với mỏng nở, cong, đùi mập, cánh tay trần uốn cong mềm mại như đang múa. Bên cạnh đó còn có các tiên nữ dưới dạng phù điêu gắn trên các tai cột hoặc xà thượng. Những tiên nữ này có hai cánh tay tròn trịa dang rộng, cánh tay đồng thời cũng là sống cánh, phía dưới cánh tay là lớp cánh được chạm thủng, đôi khi được điểm thêm hai hàng hoa hoặc các vẩy đơn, kép.

Người thường:

Vào nửa đầu thế kỷ 17, con người bình thường đã xuất hiện trên các chạm khắc kiến trúc, nhưng thưa thớt, chủ yếu là nam giới với thân mập, cởi trần, đóng khố, đầu đội mũ trụ hoặc vắn khăn, cưỡi rồng hoặc thú. Hình tượng con người ở đây chủ yếu được chạm nổi, tuy chỉ sử dụng các đường nét mang tính phác hoạ, không đi vào chi tiết, nhưng khuôn mặt vẫn thể hiện rõ.

Vào nửa cuối thế kỷ 17, nhất là 20 năm cuối, cả nam và nữ đều được thể hiện khá nhiều dưới hình dạng và bố cục khác nhau như đấu vật, nuôi con, đi săn, uống rượu, chèo thuyền... Đặc biệt là những hoạt cảnh đề cập đến phồn thực và tình yêu nam nữ. Chúng ta đã gặp khá nhiều hình tượng thiếu nữ ở trần nằm ngủ, trai gái làm chuyện thầm kín ở các đình Phù Lão, Thổ Tang, Đông Viên, Hưng Lộc... những hình tượng ấy rất bạo dạn.

Nhìn chung, hình tượng con người có mặt hầu hết trong kiến trúc đình làng thế kỷ 17. Càng về cuối thế kỷ, mật độ con người càng dày đặc trong di tích, đặc biệt các ngôi đình làm vào thời Chính Hoà. Con người mang đậm yếu tố dân gian, thể hiện mọi mặt của cuộc sống đời thường.

Cây cỏ, hoa

Cây cỏ:

Chủ yếu là cúc, được thể hiện khá đa dạng. Cúc thường có thân uốn cong mềm mại, sống lá nổi gân lớn, được tạo thành cụm hoặc đơn lẻ. Có khi là hai nhánh lá lớn toả ra hai bên, đỡ một vân xoắn cuộn tròn ở trung tâm, diềm lá hình răng cưa như vây rồng (đình Xuân Dục). Một loại khác dạng cây leo với thân mềm mại, lá rủ dài cũng gặp nhiều trong kiến trúc.

Cuối thế kỷ 17, người ta còn gặp một loại cây khác, đó là trúc. Thường được thể hiện dưới dạng trúc hoá rồng. Thân trúc được chạm lõng với tua tủa các đợt măng mập mập chìa thẳng lên phía trên như ở đình Hưng Lộc, đình Cao Đài... đó cũng là nét đặc trưng của nghệ thuật chạm khắc gỗ thế kỷ 17.

Hoa:

Chủ yếu là hoa cúc. Cúc thể hiện cả hoặc



nửa bông, xuất hiện trên thân rồng hoặc bố cục rồng châu hoa cúc. Bông cúc thường nhỏ, cánh hoa mập, dày, ngắn, xoè rộng, thể hiện nhìn chính diện. Hình tượng này xuất hiện nhiều trong kiến trúc đình làng nửa đầu thế kỷ 17 như ở các đình Xuân Dục, Phù Lưu, Văn Khê... Cũng có khi là một bông cúc khá lớn, tạo theo thế nhìn nghiêng, các cánh hoa mềm mại như ở đình Cam Đà, đình Chu Quyến...

Có thể nói, điêu khắc trang trí kiến trúc đình làng thế kỷ 17 đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật chạm khắc. Các thành phần trong kiến trúc hầu như đều được chạm khắc dày đặc. Nghệ thuật dân gian đã phát triển mạnh mẽ, trong đó các đề tài trang trí ở thế kỷ 16 đều được tái hiện (rồng, lân, phượng, hổ...) ở thế kỷ 17 nhưng hình thức thể hiện đã có sự thay đổi, tạo nên phong cách nghệ thuật riêng.

Bên cạnh đó, các hình tượng khác cũng được khắc họa rất đa dạng, sinh động, mang "hơi thở" của cuộc sống hiện thực, với những mong ước rất đời thường, tạo nên sự "náo nức" trong không gian kiến trúc đương thời. Các biểu tượng cũng phát triển mạnh hơn thời Mạc, đặc biệt là sự phát triển của đao mác. Đình làng thế kỷ 17 sử dụng nhiều kỹ thuật chạm khắc, đặc biệt kỹ thuật chạm kênh bong với độ nổi khối lớn, nhiều tầng nhiều lớp, nhiều cảnh đồng hiện trong một mảng chạm và đã trở thành nét đặc trưng, góp phần đưa chạm khắc trang trí kiến trúc đình làng thế kỷ 17 lên đến đỉnh cao của nghệ thuật. Qua nghiên cứu cho thấy, sự phát triển của chạm khắc đình làng thế kỷ 17 trải qua 3 giai đoạn tương đối rõ rệt (đầu - giữa - cuối thế kỷ), có thể tạm coi đây là căn cứ để xác định niên đại tương đối cho các ngôi đình của người Việt trong thời gian này./.

N.T.T.T